

# NÂNG CAO Ý THỨC VỀ DỊ BIỆT NGÔN NGỮ CHO NGƯỜI HỌC THÔNG QUA HIỆN TƯỢNG TỪ ĐỒNG NGUYÊN GIẢ

Võ Thị Liên Hương\*; Hoàng Thị Thu Hạnh

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

\* Email: [vtluong@hueuni.edu.vn](mailto:vtluong@hueuni.edu.vn)

(Nhận bài: 09/02/2023; Hoàn thành phản biện: 30/03/2023; Duyệt đăng: 07/04/2023)

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của kiến thức về từ vựng ngoại ngữ thứ nhất (tiếng Anh) đến việc suy đoán từ vựng trong ngoại ngữ thứ hai (tiếng Pháp) của các sinh viên tiếng Anh thông qua hiện tượng từ đồng nguyên giả. Nghiên cứu được thực hiện với sự tham gia 27 sinh viên tiếng Anh học ngoại ngữ hai tiếng Pháp tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Dữ liệu được thu từ phiếu diễn ngôn bản dịch (Translation-Based Discourse Completion) với 28 câu chứa các từ đồng nguyên giả và phỏng vấn hồi cứu (Retrospective Interview) yêu cầu sinh viên kể lại họ đã nghĩ gì và làm cách thế nào khi dịch các câu tiếng Pháp sang tiếng Anh. Kết quả của nghiên cứu cho thấy có hiện tượng sinh viên phụ thuộc vào hình thức của từ và vô đoán về mặt ý nghĩa của từ dựa trên nền tảng kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh. Điều này đã phần nào cản trở khả năng am hiểu ý nghĩa từ vựng, dẫn đến hiểu sai và dịch sai ngôn ngữ nguồn. Việc sử dụng từ đồng nguyên giả của sinh viên vừa dựa vào trực giác, vừa dựa vào ý thức ngôn ngữ được hình thành trong quá trình học ngoại ngữ thứ nhất. Từ kết quả thu được, nghiên cứu đã đề xuất các hình thức nâng cao nhận thức về tính dị biệt ngôn ngữ thể hiện qua hiện tượng từ đồng nguyên giả.

**Từ khóa:** Từ đồng nguyên giả, ý thức ngôn ngữ, ngữ nghĩa từ vựng, dịch thuật

## 1. Mở đầu

Khi học ngoại ngữ, người học có thể tận dụng được ảnh hưởng tích cực hoặc chịu ảnh hưởng tiêu cực của ngôn ngữ khác. Điều này chủ yếu là do sự tương đồng và dị biệt tồn tại giữa các ngôn ngữ. Nếu người học có thể gặp thuận lợi nhờ liên hệ tiếng mẹ đẻ của họ hoặc một ngoại ngữ khác mà họ đã học, chúng được gọi là ‘chuyển di tích cực’ (positive language transfer). Nhưng ngược lại, nếu người học sử dụng sai từ vựng, hình thái cú pháp hoặc ngữ âm, thì chúng được gọi là ‘chuyển di tiêu cực’ (negative language transfer) (Şavli, 2009). Từ vựng trong hai ngôn ngữ giống nhau hoặc gần giống nhau về hình thức và tương đồng về ý nghĩa được gọi là từ đồng nguyên (cognates), ví dụ *culture* trong tiếng Anh, *culture* trong tiếng Pháp và *Kultur* trong tiếng Đức. Người học thường gặp thuận lợi trong việc phát triển từ vựng nếu tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ thứ hai có tính tương đồng (Nation, 2003). Từ đồng nguyên dễ dàng giúp người học mở rộng vốn từ vựng của họ. Điều này cũng đúng với người học hai hay nhiều ngoại ngữ tương đồng nhau mặc dù tiếng mẹ đẻ của họ có thể không tương đồng (Jarvis & Pavlenko, 2010). Tuy nhiên, theo Keogh (2012), ở chiều hướng ngược lại, từ đồng nguyên giả (false cognates) – những từ có hình thức biểu hiện giống nhau nhưng khác nhau về nghĩa biểu đạt – lại rất ít khi được đưa vào các lớp học ngôn ngữ mặc dù người học vẫn thường nhầm lẫn khi gặp các từ loại này. Reid (1968) đã ví những từ đồng nguyên giả là “những kẻ lừa bịp” khi thảo luận về khả năng gây nhiễu của các cặp từ này đối với người Tây Ban Nha học tiếng Anh. Tương tự, Keogh (2012) đã nêu một số tình

huống chứng minh tác động của sự khác nhau giữa các từ đồng nguyên giả đến giao tiếp. Ví dụ, điều gì sẽ xảy ra nếu một người Pháp khen bạn gái người Anh của mình là *formidable* vì nghĩ rằng từ này trong tiếng Anh giống tiếng Pháp? Từ *formidable* trong tiếng Pháp mang nghĩa tích cực, dùng để khen nhưng trong tiếng Anh nó có nghĩa ‘nê, sợ’ vì người nào đó có quyền lực hoặc quá gây ấn tượng. Lengeling (1995) cho rằng “nếu như từ đồng nguyên hỗ trợ cho việc học ngoại ngữ thì từ đồng nguyên giả lại gây nhiều bất cập vì chúng có ý nghĩa khác nhau trong khi lại có hình thức chữ viết tương tự” (tr.21). Giáo viên ngoại ngữ thường chỉ chú trọng phát triển từ vựng trong ngôn ngữ đích mà bỏ qua tính tương đồng và dị biệt của ngôn ngữ đích và tiếng mẹ đẻ (Lengeling, 1995). Ngay cả khi giáo viên chỉ ra sự khác nhau thì sắc thái của các từ này thường bị đơn giản hóa quá mức, làm giảm độ chính xác của từ (Hayward & Moulin, 1984). Vì thế, bên cạnh hướng dẫn người học vận dụng tính tương đồng giữa các ngôn ngữ để tối ưu hóa quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai, giáo viên cũng cần nâng cao nhận thức của người học về tính dị biệt trong sắc thái biểu cảm của ngôn ngữ. Việc vận dụng các đặc tính tương đồng và dị biệt của ngôn ngữ cũng cần mở rộng phạm vi giữa các ngoại ngữ thay vì giữa ngôn ngữ mẹ đẻ và một ngoại ngữ.

Trên cơ sở lập luận các lập luận đó, nghiên cứu này được thực hiện với một nhóm sinh viên học ngoại ngữ thứ nhất là tiếng Anh và ngoại ngữ thứ hai là tiếng Pháp. Nghiên cứu đặt ra giả thuyết là sinh viên học tiếng Anh là ngoại ngữ thứ nhất có khuynh hướng dùng kiến thức về ngoại ngữ thứ nhất để đoán nghĩa các từ vựng trong ngoại ngữ thứ hai dựa vào sự tương đồng về hình thức thể hiện của từ vựng. Mục đích của nghiên cứu là kiểm chứng giả thuyết này bằng việc tìm hiểu mức độ chuyển di kiến thức ngôn ngữ sinh viên học được từ ngoại ngữ thứ nhất đến việc học từ vựng ngoại ngữ thứ hai, từ đó đưa ra đề xuất về việc nâng cao nhận thức về tính dị biệt ngôn ngữ thông qua từ đồng nguyên giả trong các lớp học ngoại ngữ.

## 2. Cơ sở lý luận

### 2.1 Khái niệm từ đồng nguyên giả

Trong ngôn ngữ học, từ đồng nguyên giả (tiếng Anh là *false cognates*) được định nghĩa là một cặp từ trong hai ngôn ngữ khác nhau, có hình thức viết và/hoặc phát âm tương tự nhau, nhưng sắc thái ý nghĩa biểu đạt khác nhau hoàn toàn hoặc khác nhau một phần trong một bối cảnh cụ thể (Richards, Platt & Platt, 1992). Ví dụ *actually* trong tiếng Anh và *actuellement* trong tiếng Pháp là cặp đồng nguyên giả hoàn toàn. *Actually* được dùng để nhấn mạnh một thực tế, đồng nghĩa với cụm từ *in fact*, và cần được dịch ra tiếng Pháp là *en fait*. Trái lại, *actuellement* có nghĩa là ‘vào thời điểm hiện tại’ nên cần được dịch sang tiếng Anh là *currently, at present*. Một số cặp từ khác thì chỉ có một phần ý nghĩa khác nhau. Ví dụ động từ *demand* trong tiếng Anh có nghĩa là ‘đòi hỏi’ (thực hiện như một phần quyền lợi của người nói), trong khi động từ *demander* trong tiếng Pháp ngoài nghĩa ‘đòi hỏi’ thì thường được dùng với nghĩa ‘hỏi’ hoặc yêu cầu ai làm gì.

### 2.2 Các nghiên cứu về từ đồng nguyên giả

Hiện tượng từ đồng nguyên và đồng nguyên giả xuất hiện khá nhiều giữa các ngôn ngữ thuộc hệ ngôn ngữ Ấn-Âu có độ tương đồng cao. Vì thế, các nghiên cứu về hiện tượng này thường thu hút sự quan tâm của các học giả châu Âu. Điều này khá hợp lý vì khi độ tương đồng ngôn ngữ càng cao thì việc người học ngoại ngữ có khuynh hướng chuyển di ngữ nghĩa càng lớn (Jarvis & Pavlenko, 2010). Hơn nữa, chính sách đa ngữ và dùng tiếng Anh như là ngôn ngữ cộng đồng (lingua franca) của châu Âu tạo cơ hội cho nhiều nghiên cứu đối chiếu giữa một ngôn ngữ châu Âu và tiếng Anh. Tuy nhiên, trong các nghiên cứu đó, từ đồng nguyên được chú ý hơn (ví dụ,

Otwinowska và cộng sự, 2020; Iniesta và cộng sự, 2021; Hipfner-Boucher và cộng sự, 2021). Những nghiên cứu này cũng được thực hiện từ nhiều góc nhìn khác nhau, từ thụ đắc ngôn ngữ (language acquisition), ngữ dụng học liên ngữ (interlanguage pragmatics) đến giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication).

Ngược lại, số lượng các nghiên cứu về từ đồng nguyên giả tương đối khiêm tốn và được thực hiện trên quy mô nhỏ, chủ yếu để phục vụ việc dạy tiếng Anh và dịch các cặp ngôn ngữ có tiếng Anh. Trong một nghiên cứu về từ đồng nguyên giả giữa tiếng Anh và tiếng Nga, Yaylaci và Argynbayev (2014) kết luận rằng từ đồng nguyên giả là “một trong những nguyên nhân của việc hiểu bài sai trong các tình huống giao tiếp giữa giáo viên và sinh viên thuộc các khóa học được dạy bằng tiếng Anh của cơ sở đào tạo” (tr. 64). Trong nghiên cứu về mối quan hệ đồng nguyên giữa tiếng Anh và tiếng Pháp và mức độ mà hai ngôn ngữ này gây trở ngại cho nhau khi dịch, Norbert (2019) kết luận rằng từ đồng nguyên giả không chỉ có tác động đến việc phát triển vốn từ vựng của người học mà còn ảnh hưởng đến độ chính xác của bản dịch. Điều này cũng được chứng minh trong nghiên cứu của Lalor và Kirsner (2001). Họ đã thực hiện một nghiên cứu thí điểm về từ đồng nguyên giả trong vốn từ vựng song ngữ tiếng Anh và tiếng Ý của một nhóm khách thể ở Úc và kết luận rằng ngay cả khi người dùng có mức độ thành thạo song ngữ, từ đồng nguyên giả đặt ra những thử thách cho người sử dụng ngôn ngữ trong cách hiểu và diễn giải nếu không có bối cảnh. Chính vì thế, bên cạnh việc dạy các từ đồng nguyên nhằm giúp người học nhận thức được các vấn đề nảy sinh với các từ cùng gốc, cần nhấn mạnh đến việc dạy các từ đồng nguyên giả để cải thiện vốn từ vựng của người học (Lengeling, 1995).

### 2.3 Các từ đồng nguyên giả phổ biến trong tiếng Anh và tiếng Pháp

Trong hệ ngôn ngữ Ấn-Âu, tiếng Anh và tiếng Pháp thuộc hai ngữ tộc khác nhau, tiếng Anh thuộc ngữ tộc German còn tiếng Pháp thuộc ngữ tộc Romance. Tuy nhiên, hai ngôn ngữ này có mối quan hệ lịch sử phức tạp. Theo VOA Learning English (2018), hai ngôn ngữ này có độ tương đồng cao về từ vựng. Với quá trình tiếp xúc hơn 300 năm, khoảng hơn 10.000 từ tiếng Pháp (chiếm 30 - 45%) thâm nhập vào tiếng Anh. Vì thế, hai ngôn ngữ này có số lượng từ đồng nguyên giả lớn. Theo *ThoughtCo.* (một blog truyền thông của nhà xuất bản Dotdash Meredith, Hoa Kỳ), có hơn 100 cặp đồng nguyên giả phổ biến giữa tiếng Anh và tiếng Pháp (*ThoughtCo.*, 2018).

Nếu như từ đồng nguyên giả chưa được nghiên cứu nhiều thì hiện tượng này lại được thống kê nhiều trên các blog dạy ngoại ngữ (ví dụ, Houy, 2020; Learn French With Chanty, 2022; Maggie & Stimola, 2022; *ThoughtCo.*, 2018; VOA Learning English, 2018). Một đặc điểm chung trên các blog này là họ nhấn mạnh đến tầm quan trọng của ý thức ngôn ngữ (language awareness) khi sử dụng và mục đích của các thống kê đó nhằm hỗ trợ người học, người dịch tránh các lỗi chuyển nghĩa do trực giác (intuition).

Trên cơ sở các thống kê từ các blog và đối chiếu với các giáo trình dạy tiếng Pháp đang sử dụng phổ biến hiện nay như *Le Nouveau Taxi*, *Alter Ego*, *Cosmopolite*, *Inspire*, v.v., nhóm nghiên cứu đã chọn lọc một danh mục gồm 28 cặp từ đồng nguyên giả cho nghiên cứu này (xem Bảng 1). Những từ này có tần suất xuất hiện nhiều trong các tình huống giao tiếp ở mức độ thành thạo ngôn ngữ bậc A2 và B1 theo khung năng lực ngôn ngữ châu Âu dành cho tiếng Pháp, phù hợp với trình độ tiếng Pháp như một ngoại ngữ thứ hai của khách thể tham gia nghiên cứu này. Những từ này sẽ được dùng để khảo sát mức độ sinh viên sử dụng kiến thức từ vựng trong ngoại

ngữ thứ nhất vào việc suy đoán và hiểu từ vựng trong ngoại ngữ thứ hai (chi tiết được mô tả trong mục 3.3).

### 2.4 Môi tương quan giữa mức độ thành thạo ngôn ngữ và lỗi dùng từ đồng nguyên giả

Từ đồng nguyên giả là một thử thách với người học ngoại ngữ. Nếu không được nâng cao nhận thức về tính tương đồng và dị biệt ngôn ngữ, người sử dụng ngôn ngữ dễ mắc phải lỗi chuyển nghĩa tiêu cực. Murphy (2003) lập luận rằng việc mắc lỗi chuyển nghĩa không chỉ xảy ra với người sử dụng ngôn ngữ có mức độ thành thạo thấp mà ngay cả những người sử dụng ngôn ngữ ở mức độ thành thạo cao vẫn mắc phải khi gặp các loại từ đồng nguyên giả vì họ đã lệ thuộc vào trực giác.

**Bảng 1.** Các từ đồng nguyên giả phổ biến trong tiếng Anh và tiếng Pháp

	Tiếng Pháp	Tiếng Anh		Tiếng Pháp	Tiếng Anh
1.	actuellement	actually	15.	location	location
2.	affaire	affair	16.	pain	pain
3.	assiter	assist	17.	partie	party
4.	attendre	attend	18.	passer	pass
5.	blessier	bless	19.	phrase	phrase
6.	car	car	20.	porter	port
7.	coin	coin	21.	prévenir	prevent
8.	demander	demand	22.	rester	rest
9.	éventuellement	eventually	23.	résumer	resume
10.	habit	habit	24.	réunion	reunion
11.	injurier	injure	25.	sale	sale
12.	introduire	introduce	26.	sensible	sensible
13.	lecture	lecture	27.	surveiller	survey
14.	librairie	library	28.	travail	travel

Ảnh hưởng của chuyển nghĩa tiêu cực không chỉ xảy ra giữa các cặp đồng nguyên giả giữa hai ngôn ngữ, tiếng mẹ đẻ và một ngoại ngữ. Theo Odlin (1989), khi một người học có thể sử dụng hai ngôn ngữ, kiến thức về cả hai ngôn ngữ này sẽ ảnh hưởng đến việc họ tiếp thu ngôn ngữ thứ ba. Đây cũng chính là tiền đề cho giả thuyết đã được đặt ra trong nghiên cứu này và mức độ thành thạo là một tiêu chí được dùng để đánh giá ảnh hưởng của kiến thức ngoại ngữ thứ nhất lên việc hiểu và chuyển nghĩa từ vựng trong ngoại ngữ thứ hai.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

### 3.1 Bối cảnh và mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế (ĐHNN, ĐHH), trong học kỳ I, năm học 2022-2023. Trong chương trình đào tạo cử nhân, sinh viên cả hai ngành sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh đều phải học một số học phần bắt buộc về ngôn ngữ học, gồm Ngữ âm và Âm vị học, Ngữ pháp và Ngữ nghĩa. Trong đó học phần Ngữ pháp dành cho sinh viên năm thứ ba có một phần liên quan đến hình thái học (Morphology), trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu trúc và gốc từ. Một sinh viên năm thứ ba được cho là có thể phát triển nhanh vốn từ vựng thông qua kiến thức về hình thái học, và cũng có thể sử dụng nó cho việc suy đoán nghĩa của từ vựng trong các ngoại ngữ cùng ngữ hệ.

Mục tiêu của nghiên cứu là tìm hiểu việc vận dụng kiến thức từ vựng của ngoại ngữ thứ nhất (tiếng Anh) lên việc hiểu và suy đoán từ vựng ngoại ngữ thứ hai (tiếng Pháp), nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên về tính dị biệt ngôn ngữ thông qua hiện tượng từ đồng nguyên giả.

### **3.2 Khách thể nghiên cứu**

Trên cơ sở của mục tiêu nghiên cứu, khách thể được chọn mời tham gia nghiên cứu này phải đáp ứng các tiêu chí: (1) là sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh; (2) đã hoàn thành học phần ngoại ngữ 2 tiếng Pháp bậc 1 hoặc bậc 2; và (3) đang tiếp tục theo học học phần ngoại ngữ 2 tiếng Pháp bậc 2 hoặc bậc 3.

Nhóm tác giả kỳ vọng sẽ có khoảng 50 sinh viên tham gia. Tuy nhiên, số lượng sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh chọn học ngoại ngữ thứ hai là tiếng Pháp rất hạn chế. Nghiên cứu này chỉ mời được với 27 sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh tham gia, trong đó có 16 sinh viên học năm thứ hai và 11 sinh viên học năm thứ ba. Mức độ thành thạo ngoại ngữ thứ nhất được xem xét như một yếu tố ảnh hưởng đến ngoại ngữ thứ hai do có sự khác nhau đáng kể trong kiến thức ngoại ngữ thứ nhất giữa sinh viên năm thứ hai và sinh viên năm thứ ba tại Trường ĐHNN, ĐHH như đã mô tả trong mục 3.1.

Nhóm khách thể được mã hóa từ P1 đến P27, trong đó P1-P16 là các sinh viên năm thứ hai và P17-P27 là sinh viên năm thứ ba. Việc gán mã này nhằm bảo đảm quyền riêng tư cho khách thể và phục vụ cho các bước thu dữ liệu phỏng vấn.

### **3.3 Công cụ và quá trình thu thập dữ liệu**

Nghiên cứu này sử dụng hai loại công cụ thu thập dữ liệu: phiếu diễn ngôn bản dịch (Translation-Based Discourse Completion) và phỏng vấn hồi cứu (Retrospective Interview).

#### **3.3.1 Phiếu diễn ngôn bản dịch**

Phiếu diễn ngôn bản dịch là một công cụ thường dùng trong nghiên cứu dịch thuật, được xây dựng bằng việc tạo ra các hiện dạng diễn ngôn (discourse tokens) chứa nội dung nghiên cứu để khách thể tham gia cung cấp bản dịch. Trong nghiên cứu này, phiếu diễn ngôn bản dịch bao gồm 28 câu tiếng Pháp chứa các từ vựng tiếng Pháp có từ đồng nguyên giả tương đương trong tiếng Anh (Bảng 1).

Khách thể nghiên cứu được yêu cầu hoàn thành phiếu diễn ngôn bản dịch trong thời gian là 45 phút bằng cách cung cấp câu dịch tiếng Anh tương đương cho các câu tiếng Pháp cho sẵn trong điều kiện không tra cứu tự điển hoặc sử dụng các phần mềm dịch máy. Quá trình thu thập dữ liệu từ diễn ngôn bản dịch diễn ra có sự quan sát của thành viên nhóm nghiên cứu và dưới áp lực thời gian để bảo đảm điều kiện đã nêu.

#### **3.3.2 Phỏng vấn hồi cứu**

Phỏng vấn hồi cứu là phương pháp xem xét vấn đề trên cơ sở nhìn lại các sự việc đã diễn ra. Đó là một quá trình siêu nhận thức: suy nghĩ có chủ đích về cách một người suy nghĩ và hành động. Các cuộc phỏng vấn hồi cứu trong nghiên cứu này là nhằm tìm ra lý do đằng sau việc khách thể lựa chọn cách dịch hay nội dung dịch như họ đã thể hiện trong phiếu diễn ngôn bản dịch.

Phỏng vấn hồi cứu được thực hiện sau khi thu thập dữ liệu từ phiếu diễn ngôn bản dịch và phân tích thô. Trong nghiên cứu này có 9 sinh viên được mời phỏng vấn, trong đó có 5 sinh viên

năm thứ hai và 4 sinh viên năm thứ ba. Nhóm nghiên cứu xin phép ghi âm cuộc phỏng vấn trước khi thực hiện. Câu hỏi phỏng vấn được xây dựng trên cơ sở quan sát một số phản hồi đặc biệt hoặc một số điểm trong dữ liệu thô từ phiếu điều tra diễn ngôn bản dịch cần được giải thích sâu hơn. Cụ thể, các sinh viên được phỏng vấn đều được hỏi mô tả chung quá trình siêu nhận thức (metacognition) trong khi thực hiện bản dịch. Đối với từng trường hợp, các câu hỏi tập trung vào việc lý giải sự lựa chọn của sinh viên như đã thể hiện trên phiếu diễn ngôn bản dịch.

### 3.4 Phân tích dữ liệu

Dữ liệu thu được từ phiếu diễn ngôn bản dịch được thống kê theo số lượng sinh viên mắc lỗi dịch nghĩa do suy đoán từ hiện tượng từ đồng nguyên giả. Trên cơ sở thống kê này, nghiên cứu xem xét độ tương thích của kết quả với giả thuyết và kết quả nghiên cứu trước đây. Đồng thời, các trường hợp cho ra dữ liệu đặc biệt sẽ được dùng làm tiền đề tìm hiểu sâu hơn quá trình nhận thức và chuyển nghĩa từ vựng mà sinh viên đã thực hiện. Dữ liệu thu được từ phỏng vấn được phân tích theo nguyên nhân mắc lỗi dịch do trực giác (intuition) và nguyên nhân tránh được lỗi dịch do ý thức ngôn ngữ (language awareness).

## 4. Kết quả nghiên cứu

### 4.1 Lỗi dịch sai nghĩa do suy đoán bằng từ đồng nguyên giả

Dữ liệu thu được từ phiếu diễn ngôn bản dịch cho thấy sinh viên hầu hết mắc phải lỗi dịch nghĩa do suy đoán các từ đồng nguyên. Nhìn chung, kết quả thu được tương thích với giả thuyết đặt ra và tương đồng với kết quả các nghiên cứu trước đây. Điều đó chứng tỏ hiện tượng từ đồng nguyên giả và tác động việc sử dụng từ đồng nguyên giả để suy đoán nghĩa của từ vựng khi học một ngôn ngữ khác là hiện tượng phổ biến.

**Bảng 2.** Thống kê số lượng lỗi dịch do dùng từ đồng nguyên giả

Từ tiếng Pháp	Từ tiếng Anh	SV năm 2	SV năm 3	Từ tiếng Pháp	Từ tiếng Anh	SV năm 2	SV năm 3
actuellement	actually	16	11	location	location	16	11
affaire	affair	16	10	pain	pain	16	11
assiter	assist	16	11	partie	party	12	4
attendre	attend	8	5	passer	pass	16	11
blessier	bless	16	11	phrase	phrase	2	3
car	car	16	11	porter	port	3	2
coin	coin	16	11	<b>prévenir</b>	<b>prevent</b>	<b>4</b>	7
demander	demand	0	2	Rester	rest	6	1
éventuellement	eventually	16	11	résumer	resume	4	0
injurier	injure	16	11	réunion	reunion	16	11
habit	habit	16	11	Sale	sale	14	9
introduire	introduce	16	2	sensible	sensible	16	11
lecture	lecture	16	11	<b>surveiller</b>	<b>survey</b>	<b>1</b>	6
librairie	library	16	11	Travail	travel	0	0

Kết quả nghiên cứu cho thấy 100% sinh viên mắc lỗi khi dịch các từ *actuellement*, *assiter*, *blessier*, *car*, *coin*, *éventuellement*, *habit*, *injurier*, *lecture*, *librairie*, *location*, *pain*, *passer*, *réunion* and *sensible*. Có thể thấy rằng những từ này giống hoàn toàn hoặc dường như hoàn toàn

một số từ trong tiếng Anh. Một số các từ khác cũng có số lượng sinh viên nhầm lẫn trong quá trình chuyển nghĩa (trong đó có hai trường hợp đặc biệt được thể hiện bằng cách in đậm trong Bảng 2).

Bên cạnh đó, các diễn ngôn trong bản dịch được xây dựng với dụng ý gây nhiễu bằng việc xuất hiện từ kết hợp giống nhau. Ví dụ, 100% sinh viên dịch các câu tiếng Pháp (TP) sang tiếng Anh (TA) như nhau:

[1] TP: J'ai passé un examen important il y a 5 jours.

TA: I passed an important exam 5 days ago.

[2] TP: Elle a besoin de livres, alors elle va à la librairie.

TA: She needs some books, so she goes to the library.

*Passer un examen* trong tiếng Pháp có nghĩa là ‘tham gia một kỳ thi’ (TA: *take an exam*), nhưng *pass an exam* trong tiếng Anh có nghĩa là ‘vượt qua/thành công một kỳ thi’ (TP: *réussir à un examen*). Sự xuất hiện của từ *examen* cũng là một yếu tố tạo trực giác để sinh viên chọn dùng từ đồng nguyên giả. Tương tự, *librairie* trong tiếng Pháp nghĩa là ‘hiệu sách’ (TA: *bookstore*). Sự xuất hiện của mệnh đề đầu tiên (‘Cô ấy cần một số quyển sách’) đã khiến sinh viên chọn từ *library* (‘thư viện’) trong tiếng Anh để dịch. Đáng chú ý là các từ tiếng Anh là từ đồng nguyên giả của các từ tiếng Pháp nêu trên thuộc phạm vi từ vựng các sinh viên tiếng Anh năm thứ hai và năm thứ ba đều đã học. Vì thế, việc nhận diện các từ tiếng Pháp bằng cách liên tưởng các từ trong tiếng Anh đều diễn ra ở cả hai nhóm sinh viên.

Kết quả khảo sát bằng phiếu diễn ngôn bản dịch phân nào chứng minh được giả thuyết đặt ra là sinh viên tiếng Anh sử dụng kiến thức từ vựng trong ngoại ngữ thứ nhất để suy đoán nghĩa của từ vựng trong ngoại ngữ thứ hai, dẫn đến việc mắc lỗi dịch nghĩa từ do dùng từ đồng nguyên giả. Mặc dù vậy, năng lực ngoại ngữ thứ nhất hầu như ít ảnh hưởng đến việc dùng từ đồng nguyên giả.

Tuy nhiên, kết quả của nghiên cứu này có một số đặc điểm riêng. Bên cạnh các dữ liệu có tính tương thích với giả thuyết cao, một số từ tiếng Pháp được dịch đúng dù có hình thức trùng khớp hoặc tương đồng cao với từ đồng nguyên giả tiếng Anh. Cụ thể là không có sinh viên nào dịch *travail* (TP) thành *travel* (TA) dù hai từ này có độ tương đồng cao về hình thức. Chỉ có 2 sinh viên (thuộc nhóm sinh năm thứ ba) dịch *demander* (TP) thành *demand* (TA). Đặc biệt, trường hợp hai động từ tiếng Pháp *rester* và *résumer*, sinh viên năm thứ hai có khuynh hướng dùng từ đồng nguyên giả (TA: *rest* và *resume*) nhiều hơn sinh viên năm thứ ba. Điều này trái với kết luận của Oldin (1989) và Murphy (2003). Một kết quả khác ngoài dự kiến của nhóm nghiên cứu là việc sinh viên không biết từ vựng tiếng Pháp và cũng không liên tưởng được từ đồng nguyên giả tiếng Anh tương ứng. Kết quả thu được là chỉ có 4 sinh viên năm thứ hai liên tưởng từ *prévenir* (TP) với từ *prevent* (TA), 12 sinh viên còn lại để trống phần dịch câu có chứa từ này. Tương tự, chỉ có 1 sinh viên năm thứ hai dịch *surveiller* (TP) thành *survey* (TA), 15 sinh viên khác để trống câu dịch. Các kết quả thể hiện các đặc điểm riêng trong nghiên cứu được ghi nhận và tiếp tục được tìm hiểu sâu trong các buổi phỏng vấn hồi cứu.

#### 4.2 Nguyên nhân lỗi dịch từ góc nhìn siêu nhận thức

Tất cả sinh viên tham gia phỏng vấn đều thừa nhận họ dịch theo trực giác. Thứ nhất là do yêu cầu dịch sang câu tiếng Anh, có từ vựng và cấu trúc câu tương đối tương đồng với tiếng Pháp ngoại trừ một số trật tự từ (chủ yếu là danh từ và tính từ). Thứ hai là do bản thân họ còn xa lạ với khái niệm “từ đồng nguyên giả”. Một sinh viên nói:

*Dù được cung cấp thông tin là nghiên cứu liên quan đến “từ đồng nguyên giả”, tức là có gì đó không đúng, nhưng bản thân tôi không hiểu khái niệm “từ đồng nguyên giả” và vì phần lớn các từ trong câu giống tiếng Anh nên tôi vẫn dựa vào sự tương đồng của chữ viết để tìm từ và ghép thành câu tiếng Anh [P8].*

Một lý giải về việc dịch theo trực giác là vì sinh viên tin rằng tiếng Anh có 80% từ vựng du nhập từ tiếng Pháp nên hai ngôn ngữ này giống nhau.

*Khi học học phần Ngữ pháp, tôi được giảng viên giới thiệu sơ lược về sự phát triển của tiếng Anh với sự tiếp xúc ngôn ngữ gần 3 thế kỷ với tiếng Pháp do sự chiếm đóng của người Normandy. Tôi luôn nghĩ tiếng Anh và tiếng Pháp chỉ khác nhau về mặt phát âm [P19].*

Cả [P8] và [P19] dùng từ đồng nguyên giả chủ yếu do mặc định tính tương đồng giữa hai ngôn ngữ. Tuy nhiên, nếu như [P8] mắc lỗi từ đồng nguyên giả vì thiếu hiểu biết về ngôn ngữ học thì [P19] lại vận dụng kiến thức (chưa đầy đủ) được trang bị từ học phần ngôn ngữ học vào việc học tiếng Pháp. Các nghiên cứu về từ đồng nguyên giả trước đây chủ yếu tập trung vào tính dị biệt giữa tiếng mẹ đẻ (được thụ đắc tự nhiên) và ngôn ngữ hai (thẩm thấu qua quá trình học). Vì thế, các học giả quan tâm nhiều đến cảm nhận và trực giác của người dùng. Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn [P19] cho thấy việc sử dụng đồng nguyên giả lại xuất phát từ ý thức ngôn ngữ và có sự vận dụng kiến thức ngôn ngữ học của ngoại ngữ thứ nhất vào việc học ngoại ngữ thứ hai.

Bên cạnh các câu hỏi chung yêu cầu sinh viên nhớ lại quá trình suy nghĩ để dịch nghĩa các câu tiếng Pháp sang tiếng Anh, nhóm nghiên cứu cũng đặt câu hỏi cho các trường hợp cụ thể. Với cặp từ đồng nguyên giả *travail* (TP) và *travel* (TA), phần lớn sinh viên trả lời rằng từ *travail* được học khá sớm, khi mới bắt đầu khóa học tiếng Pháp, vì thế sinh viên chủ yếu học thuộc lòng từ vựng và biết nghĩa của từ. Về sau, khi học nhiều tiếng Pháp hơn, họ nhận thấy có nhiều từ giống nhau giữa tiếng Anh và tiếng Pháp thì tần suất đoán nghĩa cũng tăng lên và ít học thuộc lòng hơn. Có vẻ như những từ tiếng Pháp sinh viên tiếp xúc trong giai đoạn đầu mới học khiến họ nhớ lâu. Vì thế, cho dù cặp từ tiếng Anh và tiếng Pháp giống nhau hoàn toàn, sinh viên không bị mắc lỗi dùng đồng nguyên giả. Một bằng chứng trong nghiên cứu này là từ *phrase* (TP: câu, TA: cụm từ).

*Từ này đúng là giống tiếng Anh thật, nhưng khi làm bài tập ngữ pháp, cô giáo hay lặp lại nhiều lần nên tôi nhận ra nó khác tiếng Anh [P17].*

Tương tự, việc giáo viên lặp đi lặp lại nhiều lần trên lớp sẽ gián tiếp tác động đến nhận thức của sinh viên. Sinh viên [P6] giải thích vì sao không mắc lỗi với cặp từ *demand* (TP) và *demand* (TA) như sau:

*Tôi thấy từ **demand** còn quen thuộc hơn **demand**. Khi mới bắt đầu học, cô giáo dạy tiếng Pháp thường hay nhắc cụm từ **demand** à **quelqu'un de faire***

*quelque chose* và giải thích nghĩa bằng tiếng Việt là ‘yêu cầu ai làm cái gì’. Tôi liên tưởng đến cụm từ **ask someone to do something** trong tiếng Anh. Vì vậy tôi không thấy **demand** liên quan đến **demand** và không nghĩ đến từ này khi dịch [P6].

Như đã thảo luận trong Mục 4.1, sinh viên năm thứ hai dùng từ đồng nguyên giả *rest* và *resume* (TA) khi dịch *rester* và *résumer* (TP) nhiều hơn sinh viên năm thứ ba. Vấn đề này đã được tìm hiểu trong phỏng vấn với một sinh viên năm thứ ba.

*Lúc đầu tôi dịch rester là rest nhưng cụm từ chez moi dịch thành at home thì câu tiếng Anh nghe không phù hợp lắm, nếu chọn stay at home sẽ phù hợp hơn. Còn với từ résumer, nhờ có cụm từ ce texte nên tôi liên tưởng đến chữ résumé là từ mượn được dùng trong tiếng Anh có nghĩa là ‘lý lịch tóm tắt’ và tôi dịch thành summarize [P23].*

Như vậy, nếu như văn cảnh (co-text) có thể gây nhiễu và hiểu nhầm, dẫn đến việc dùng từ đồng nguyên giả như thảo luận ở Mục 4.1, thì văn cảnh cũng có thể là yếu tố giúp người học cân nhắc để hiểu đúng diễn ngôn. Đây chính là ý thức ngôn ngữ được hình thành qua văn cảnh.

Mặt khác, ý thức ngôn ngữ cũng được hình thành từ phía bản thân người học thông qua các quan sát trong đời sống. Khi được hỏi đã nghĩ gì khi dịch từ *surveiller* (TP) mà không nhầm với từ *survey* (TA), sinh viên [P27] lý giải:

*Khi nhà tôi lắp camera, tôi tình cờ thấy cụm từ surveillance camera trên vỏ hộp. Tôi tra tự điển và biết từ surveillance có nghĩa là ‘giám sát’ nên khi gặp từ surveiller tôi dịch thành watch [P27].*

Tuy nhiên, từ *surveiller* là một trong hai trường hợp đặc biệt của khảo sát như đã nêu trong Mục 4.1. Để tìm hiểu nguyên nhân của việc để trống câu dịch trong phiếu khảo sát. Các sinh viên năm hai được chọn phỏng vấn đều được hỏi có liên tưởng đến từ *survey* và *prevent* (TA) khi gặp hai từ *prévenir* và *surveiller* (TP) hay không. Phần lớn sinh viên trả lời họ không nghĩ đến dù các từ *survey* và *prevent* (TA) rất quen thuộc với họ. Một sinh viên giải thích:

*Vì câu tiếng Pháp Le professeur surveille les étudiants pendant l'examen có từ professeur, étudiants và examen nên tôi nghĩ đến việc gì đó xảy ra ở trường học mà không nghĩ đến từ watch hay observe [P5].*

Kết quả này lần nữa khẳng định sự kết hợp từ trong câu vừa có tính gây nhiễu, đồng thời cũng có thể tạo ra hoài nghi khiến người học nâng cao nhận thức về ngôn ngữ. Trường hợp cặp đồng nguyên giả *prévenir* và *prevent*, sinh viên giải thích:

*Tôi biết từ prevent trong tiếng Anh nhưng lúc đó dường như không nghĩ tới nó. Lúc đó tôi nhìn từ prévenir thì liên tưởng đến động từ venir là come và devenir là become. Nếu vậy thì prévenir là precome [sic], không đúng lắm nên tôi không dịch [P14].*

Dù cần được kiểm chứng, dữ liệu thu được từ phỏng vấn này cho thấy cách sinh viên dùng từ đồng nguyên giả không hẳn là do trực giác. Việc tách từ vụng ra thành các hình vị để dự đoán là bằng chứng của ý thức ngôn ngữ.

## 5. Nâng cao nhận thức của người học ngoại ngữ về dị biệt ngôn ngữ

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên dùng kiến thức tiếng Anh là ngoại ngữ thứ nhất để đoán nghĩa từ vựng tiếng Pháp là ngoại ngữ thứ hai. Việc suy đoán không hoàn toàn do trực giác. Một số trường hợp kiến thức về ngôn ngữ đã được vận dụng để biện luận và suy đoán. Đó là bằng chứng của ý thức ngôn ngữ. Mặc dù vậy, việc suy đoán của sinh viên dựa trên trực giác hay ý thức ngôn ngữ đều không xuất phát từ sự hiểu biết về từ đồng nguyên giả. Vì vậy, việc giới thiệu cho người học về từ đồng nguyên giả (false cognates) sẽ có lợi cho người học phát triển vốn từ của mình và sử dụng chính xác. Trong ngôn ngữ lớp học, từ đồng nguyên giả gọi là *false friends* (TA) hoặc *faux amis* (TP). Nếu giáo viên thành thạo cả tiếng Anh và tiếng Pháp, việc đối chiếu hai ngôn ngữ một cách trực tiếp là một cách tiếp cận hiệu quả để nâng cao ý thức của người học về tính dị biệt của ngôn ngữ.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy ngôn ngữ đầu vào (language input) ở lớp học có ảnh hưởng đến việc hình thành ý thức ngôn ngữ. Nếu giáo viên thành thạo hai ngôn ngữ, việc giáo viên lặp đi lặp lại nhiều lần từ vựng được đặt trong ngữ cảnh cụ thể hoặc dạy từ vựng trong một cấu trúc kết hợp từ (TA: collocations, TP: cooccurrences) sẽ giúp người học nhận diện ngôn ngữ và hình thành ý thức ngôn ngữ.

Việc nâng cao ý thức về dị biệt ngôn ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Pháp có thể thực hiện hai chiều, có nghĩa là trong lớp dạy tiếng Pháp cho sinh viên có ngoại ngữ thứ nhất là tiếng Anh hoặc trong lớp dạy tiếng Anh cho sinh viên có ngoại ngữ thứ nhất là tiếng Pháp. Việc nâng cao ý thức về dị biệt ngôn ngữ cũng có thể áp dụng cho các cặp ngôn ngữ khác, ví dụ tiếng Anh và tiếng Nga (như Yaylaci & Argynbayev, 2014 đã nghiên cứu).

## 6. Kết luận

Tóm lại, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu việc sinh viên tiếng Anh vận dụng kiến thức về từ vựng trong ngoại ngữ thứ nhất (tiếng Anh) để suy đoán từ vựng trong ngoại ngữ thứ hai (tiếng Pháp) thông qua hiện tượng từ đồng nguyên giả. Nghiên cứu đã đạt được một số kết quả nhất định. Thứ nhất, kết quả nghiên cứu chứng minh sinh viên học tiếng Anh là ngoại ngữ thứ nhất dựa vào hình thức của từ tiếng Pháp để đoán ý nghĩa và gán ghép với một từ tiếng Anh có hình thức tương đồng. Việc phân nào cản trở khả năng am hiểu ý nghĩa từ vựng, dẫn đến hiểu sai và dịch sai ngôn ngữ nguồn. Thứ hai, việc dùng từ đồng nguyên giả không chỉ dựa trên cảm tính mà vẫn xảy ra với các sinh viên vận dụng kiến thức ngôn ngữ một cách có ý thức. Tuy nhiên, sự xa lạ đối với khái niệm đồng nguyên giả và việc vận dụng kiến thức ngôn ngữ học không phù hợp dẫn đến nhầm lẫn ý nghĩa của từ vựng.

Từ kết quả thu được, nghiên cứu đã đề xuất các hình thức nâng cao nhận thức về tính dị biệt ngôn ngữ thể hiện qua hiện tượng từ đồng nguyên giả. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy việc hình thành và nâng cao ý thức ngôn ngữ không chỉ đến từ phía giáo viên mà người học cũng có thể tự hình thành ý thức ngôn ngữ.

Mặc dù nghiên cứu đã thu được kết quả, cung cấp thông tin cho giáo viên và sinh viên về một hiện tượng ngôn ngữ học xảy ra trong quá trình dạy và học, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế do điều kiện khách quan như số lượng khách thể, phương pháp tiếp cận và phân tích dữ liệu. Do không đạt được số lượng khách thể phù hợp để có thể tiến hành kết hợp phân tích định lượng và định tính, nghiên cứu tập trung vào phân tích dữ liệu định tính. Nhóm nghiên cứu ý thức rõ

tính chủ quan trong phân tích định tính. Vì thế, nếu hướng nghiên cứu này được mở rộng hơn về quy mô, kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp đầy đủ thông tin có ích hơn trong việc hình thành và đổi mới các phương pháp tiếp cận và dạy học ngoại ngữ trong môi trường đa ngữ.

## Tài liệu tham khảo

- Hayward, T. & Moulin, A. (1984). False friends invigorated. *Lexeter #83 Proceedings*, (pp. 190–198).
- Hipfner-Boucher, K., Pasquarella, A., Prasad, S., & Xi, C. (2021). The development of cognate awareness in child second/third language learners of French in French immersion: The effects of orthographic overlap and cognate status. *Journal of Speech, Language, and Hearing Research*, 64, 4390–4402.
- Houy, B. (2020, December 3). 26 potentially embarrassing French false friends you need to know. *French Together*. Retrieved from <https://frenchtogether.com/french-english-false-friends/>
- Iniesta, A., Rossi, E., Bajo, M. T., & Paolieri, D. (2021). The influence of cross-linguistic similarity and language background on writing to dictation. *Frontiers in Psychology*, 12, 1–19.
- Jarvis, S. & Pavlenko, A. (2010). *Cross-linguistic influence in language and cognition*. London: Routledge.
- Keogh, D. (2012). Awareness of cross-lexical differences among advanced second-language learners of French. *Synergies Royaume-Uni et Irlande*, 5, 219–228.
- Lalor, E. & Kirsner, K. (2001). The representation of false cognates in the bilingual lexicon. *Psychonomic Bulletin & Review*, 8(3), 552–559.
- Learn French With Chanty (2022, Sep 13). 32 English French false cognates to be aware of. Retrieved from <https://www.learnfrenchwithchanty.com/post/english-french-faux-amis-false-friends>
- Lengeling, M. M. (1995). True friends and false friends. *MEXTESOL* 19, 17–21.
- Maggie W., & Stimola, M. (2022, March 25). 20 common French false friends to watch out for. *Fluentu*. Retrieved from <https://www.fluentu.com/blog/french/faux-amis-french-false-friends-cognates/>
- Murphy, S. (2003). Second language transfer during third language acquisition. *TESOL and Applied Linguistics*, 3(2), 1–21.
- Nation, P. (2003). The role of the first language in foreign language learning. *Asian EFL Journal*, 5(2), 1–8.
- Norbert, I. B. (2019). Translation of false cognates from English to French: the case of Kisangani University Students. *Journal of Applied Linguistics and Language Research*, 6(5): 38–53.
- Odlin, T. (1989). *Language Transfer*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Otwinowska, A., Foryś-Nogala, M., Kobosk, W., & Szewczyk, J. (2020). Learning orthographic cognates and non-cognates in the classroom: Does awareness of cross-linguistic similarity matter? *Language Learning*, 70(3), 685–731.
- Reid, J. T. (1968). 123 Deceptive Demons. *Hispania*, 31, 280–297.
- Richards, J. C., Platt, J. & Platt, H. (1992). *Dictionary of Language Teaching & Applied Linguistics*. Great Britain: Longman.
- Şavli, F. (2009). Interférences lexicales entre deux langues étrangères: anglais et français. *Synergies Turquie*, 2, 179–184.
- ThoughtCo. (2018, May 23). Common false cognates in French and English. Retrieved from <https://www.thoughtco.com/french-english-false-cognates-faux-amis-1364675>
- VOA Learning English (2018, May 22). It's important to know your 'false friends' in English and French. Retrieved from <https://learningenglish.voanews.com/a/its-important-to-know-your-false-friends-in-english-and-french/4383604.html>
- Yaylaci, Y. & Argynbayev, A. (2014). English-Russian false friends in ELT Classes with Intercultural Communicative Perspectives. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 122, 58–64.

## **RAISING LEARNERS' AWARENESS OF CROSSLINGUISTIC DIFFERENCES THROUGH THE PHENOMENON OF FALSE COGNATES**

**Abstract:** This study was conducted to explore the influence of English-majored students' knowledge of first foreign language on their learning of French vocabulary through the phenomenon of false cognates. The study surveyed 27 English-majored students studying French as an additional foreign language at the University of Foreign Languages and International Studies, Hue University. Data were obtained from French-to-English Translation-Based Discourse Completion, with 28 sentences containing false cognates, and Retrospective Interviews asking students about what they thought and how they responded while they were translating French sentences. The findings show that students thought about an English lexical equivalent to a French lexical items based on the similarities in forms between the two languages. Students' use of false cognates has hindered their understanding about lexical semantics, leading to misunderstanding and mistranslation of the source language. On the premise of the findings, different ways of raising learners' awareness of crosslinguistic differences through the phenomenon of false cognates have been recommended.

*Key words:* False cognates, crosslinguistic awareness, lexical semantics, translation